

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2024/QĐ-UBND

*Bạc Liêu, ngày 14 tháng 10 năm 2024*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Quy chế phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở  
trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật  
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;  
Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15,  
Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và  
Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;  
Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính  
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;  
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 160/TTr-SXD ngày  
12 tháng 10 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định việc phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ  
quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý  
nhà ở tại địa phương để bảo đảm thống nhất về các thông tin nhà ở, đất ở ghi trong  
hồ sơ nhà ở trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,  
quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

b) Cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 120 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15.

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, lưu trữ và quản lý hồ sơ nhà ở theo Điều 119, Điều 120 của Luật Nhà ở.

**Điều 2.** Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo sự phối hợp đồng bộ, thống nhất, kịp thời, hiệu quả, thường xuyên và đúng quy định pháp luật.

2. Thông tin, hồ sơ cung cấp, phối hợp phải đảm bảo tính chính xác, trung thực.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế tổ chức hoạt động của từng cơ quan, đơn vị.

4. Không được lợi dụng việc phối hợp để thu thập thông tin, những nhiễu, trục lợi, phát tán thông tin trái với quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quy định về nội dung phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở

1. Cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 136 của Luật Đất đai năm 2024, khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm cung cấp thông tin về nhà ở quy định tại khoản 2 Điều 119 của Luật Nhà ở cho cơ quan quản lý nhà ở cùng cấp để bảo đảm thống nhất về các thông tin nhà ở, đất ở ghi trong hồ sơ.

a) Văn phòng đăng ký đất đai khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài và dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin về nhà ở cho Sở Xây dựng để thiết lập hồ sơ nhà ở.

b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm cung cấp thông tin hồ sơ nhà ở của hộ gia đình, cá nhân trong nước, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài trên địa bàn về Phòng Quản lý đô thị hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng để thống nhất về các thông tin nhà ở, đất ở ghi trong hồ sơ nhà ở.

c) Việc lưu trữ, bàn giao và quản lý hồ sơ nhà ở đối với các cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 120 của Luật Nhà ở.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phải ghi rõ trong Giấy chứng nhận loại nhà ở, cấp nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở và pháp luật về xây dựng; trường hợp nhà ở là căn hộ chung cư thì phải ghi rõ diện tích sàn xây dựng và diện tích sử dụng căn hộ; trường hợp nhà ở được xây dựng theo dự án thì phải ghi đúng tên dự án đầu tư xây dựng nhà ở đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư.

3. Thông tin cung cấp: Đơn đăng ký (bản sao), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bản sao).

4. Chế độ, thời hạn cung cấp thông tin:

a) Chế độ cung cấp thông tin: Định kỳ hàng quý.

b) Thời hạn cung cấp thông tin: Trước ngày 05 tháng đầu tiên của quý sau quý báo cáo.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo việc cung cấp thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất chính xác, đầy đủ và đúng thời gian quy định.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận thông tin và thiết lập, lưu trữ hồ sơ nhà ở của tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài và dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tiếp nhận thông tin và thiết lập lưu trữ hồ sơ nhà ở của hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trên địa bàn.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện nội dung Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Điều 6. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2024./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Thiều**